TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2020
V/v tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lệ T; cư trú tại tổ dân phố Đ, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức A; cư trú tại thôn T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 2013. Đến ngày 03 tháng 6 năm 2015, chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình anh Nguyễn Đức A ở thôn T, xã H, huyện A. Quá trình chung sống, vợ

chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ giữa năm 2018, chị Nguyễn Lệ T đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở tổ dân phố Đ, phường P, quận K sống ly thân với anh Nguyễn Đức A, hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay chị Nguyễn Lệ T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phương M – sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013, con chung hiện đang do chị Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh Nguyễn Đức A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đức A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng như chị Nguyễn Lệ T đã trình bày là đúng. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên và bạn bè đã khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2018, hiện tại không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Lệ T xin ly hôn, anh Nguyễn Đức A có quan điểm nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Lệ T, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Nguyễn Lệ T trình bày là đúng; con chung hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn anh Nguyễn Đức A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do anh và chị Nguyễn Lệ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A; về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử giao con chung Nguyễn Phương M - sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải

quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 2013. Đến ngày 03 tháng 6 năm 2015, chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A có 01 con chung Nguyễn Phương M - sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Ly hôn cả chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; chị T và anh Đức A đều có thu nhập ổn định nhưng điều kiện nuôi con của chị T tốt hơn anh Đức A bởi lẽ chị T còn có sự giúp đỡ của bố mẹ trong việc chăm sóc và nuôi dạy con chung hàng ngày, mặt khác con chung còn nhỏ, lại là con gái cần thiết có sự chăm sóc của người mẹ và cũng để con chung có cuộc sống ổn định cần giao con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Lệ T và anh Nguyễn Đức A.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương M - sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013 cho chị Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Lệ T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012549 ngày 29 tháng 4 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch